

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 02 – 01 – 2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Ông Lê Thanh Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 448/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Út E, sinh năm 1977 (*có mặt*).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 (*vắng mặt*).

Cùng trú tại: ấp P, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Út E trình bày:

Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, bà Lê Thị Út E và ông Nguyễn Văn L tổ chức lễ cưới vào năm 1996 và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 3 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông L thường dùng vũ lực đối với bà E. Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài khoảng 02 năm dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, gia

đình hai bên có vận động hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Do đó, vào năm 2006 bà E về nhà cha mẹ ruột của bà sống ly thân với ông L cho đến nay. Nhận thấy, thời gian vợ chồng sống ly thân đã hơn 10 năm, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà E yêu cầu được ly hôn với ông L. Về con chung, bà E và ông L có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Văn H sinh ngày 13 tháng 12 năm 1998 đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất tâm thần và cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 28 tháng 3 năm 2003 hiện bà E đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà E yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T theo nguyện vọng của cháu. Bà E không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu T. Về tài sản chung và nợ chung, bà E xác định giữa bà và ông L không có tài sản chung và không nợ chung ai, bà E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà E. Đồng thời, ông L cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông L đã được Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Lê Thị Út E. Đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Xét tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo thủ tục chung.

[3]. *Về hôn nhân:* Bà E và ông L là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà giữa bà E và ông L thường xuyên xảy ra cự cãi, ông L thường dùng hành vi bạo lực đối với bà E làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài. Mặc dù, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả. Bà E và ông L có thời

gian sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay mà không trở về đoàn tụ. Đủ cơ sở để kết luận đời sống chung giữa bà E và ông L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà E và ông L.

[4]. *Về con chung*: Bà E và ông L có với nhau hai người con chung là cháu Nguyễn Văn H đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất tâm thần và cháu Nguyễn Văn T đã trên 13 tuổi hiện đang sống với bà E. Sau khi ly hôn, bà E yêu cầu được nuôi cháu T, tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của bà E là phù hợp với nguyện vọng của cháu T theo quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T cho bà E được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L không trực tiếp nuôi con nên ông L có quyền, nghĩa vụ thăm mon con không ai được cản trở.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Xét thấy, bà E trình bày giữa bà và ông L không có tài sản chung và không nợ chung ai. Bà E không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Xét trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà E là cá nhân thuộc diện hộ nghèo kèm theo giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 35/GCN-HN.HCN ngày 01 tháng 01 năm 2017 do Ủy ban nhân xã Ngải Tứ cấp (BL: 12). Nên bà E được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Út E và ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 28 tháng 3 năm 2003 cho bà Lê Thị Út E được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của Bà Lê Thị Út E không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm mon cháu Nguyễn Văn T không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Lê Thị Út E.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt nguyên đơn bà Lê Thị Út E, vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L. Báo cho bà E có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông L vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã N: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Minh Tân